

# NỖ LỰC TẬP THỂ, HUY ĐỘNG XÃ HỘI VÀ PHONG TRÀO XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Bùi Thế Cường\**

## I. VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Trong suốt thế kỷ XX, Việt Nam là một xứ sở của phong trào xã hội. Trên đất nước này, "phong trào" là một hiện tượng phổ biến, là một phần của đời sống xã hội, nó phản ánh một kiểu nhìn thông dụng và chính thống đối với thế giới xã hội được chia sẻ trong tư duy cũng như giao tiếp giữa mọi người.

Bản thân Nhà nước Việt Nam hiện đại ra đời từ năm 1945 là kết quả của một phong trào xã hội vĩ đại nhằm giải phóng dân tộc theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi Mới cũng chính là một phong trào xã hội lớn đang dẫn đến nhiều biến đổi xã hội chưa từng thấy. Các nhà quan sát có thể thấy Đổi Mới là thời kỳ nảy sinh hàng loạt các phong trào xã hội khác nhau.

Điều gây ngạc nhiên là cho đến nay có rất ít công trình xã hội học chuyên nghiệp ở Việt Nam nêu nhiệm vụ nghiên cứu các phong trào xã hội. Xin bạn đọc chú ý đến định ngữ "chuyên nghiệp". Thực ra, như là một phần của thực tiễn các phong trào, đã có vô số báo cáo, sơ kết, tổng kết, luận bàn, đề cập đến vấn đề "phong trào". Những cái đó ít nhiều đều mang tính nghiên cứu, có báo cáo chứa đựng những phân tích sâu sắc, rút ra những kết luận xác đáng, có giá trị thực tiễn. Ở đây, tôi chỉ muốn nói đến tình hình trong lĩnh vực xã hội học như là một ngành khoa học cụ thể, có những thủ tục nghiên cứu chặt chẽ về khái niệm, lý thuyết, phương pháp, do các nhà xã hội học có chuyên môn tiến hành.

Bài viết dựa trên kết quả 2 đề tài của Viện Xã hội học năm 2002 và 2003 về phong trào xã hội ở Việt Nam.

## II. MỘT XÃ HỘI HỌC VỀ PHONG TRÀO XÃ HỘI THÍCH ỨNG VỚI THỰC TẾ VIỆT NAM

Một trong những khó khăn khi muốn áp dụng tiếp cận xã hội học hiện nay về phong trào xã hội vào thực tế ngoài phương Tây, theo tác giả bài

\* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Viện Xã hội học, Việt Nam.

viết, là ở chỗ tiếp cận này thường cho rằng một đặc trưng của phong trào xã hội là luôn xuất phát từ bên ngoài nhà nước, là hình thái phi định chế hoá của hành động chính trị, và ít nhiều mang tính khác biệt với hệ chuẩn mực hiện tại. Quan niệm như vậy chưa chắc đã giải thích được nhiều hiện tượng thuộc loại này ở các nước và nền kinh tế mới nổi lên ở châu Á trong ba thập niên qua. Lấy ví dụ về phong trào xây dựng nông thôn mới ở Hàn Quốc trong thập niên 1970-1980 (Đặng Kim Sơn, 2001). Đây là một kiểu phong trào được khởi động từ bên trên, từ lãnh đạo cao nhất của Hàn Quốc. Nhưng nhiều nghiên cứu đã chỉ ra, cuộc vận động này thu hút sự tham gia mạnh mẽ từ dưới lên của người dân, và nó trở thành một phong trào xã hội thực sự, đem lại những kết quả to lớn. Có được điều này một phần do chính sự cam kết mạnh và chỉ đạo sát sao của cấp lãnh đạo quốc gia.

Khi muốn tiếp thu và vận dụng các thành tựu trong nghiên cứu xã hội học về phong trào xã hội vào thực tế Việt Nam cũng sẽ gặp khó khăn tương tự. Để hiểu tốt hơn thực tế phong trào xã hội ở Việt Nam hiện nay, tác giả bài viết tạm sử dụng một số thuật ngữ khác nhau như "nỗ lực tập thể", "phong trào xã hội", và "huy động xã hội". "Nỗ lực tập thể" phản ánh những hoạt động và hiện tượng ở cấp độ vi mô và phi chính thức, hiện rất phổ biến ở Việt Nam. "Huy động xã hội" liên quan đến những nỗ lực chung mà không phân biệt chúng phát xuất từ bên trên hay bên dưới, bên trong hay bên ngoài kênh chính trị chính thức. Sự huy động có thể đến từ bên ngoài hoặc từ bên trong - một phạm vi, lĩnh vực, nhóm, cộng đồng, ... - mà tiến trình hay kết quả của nó là những nguồn lực xã hội được khai thác và tập hợp. Cả hai thuật ngữ trên cũng liên quan đến khái niệm phong trào xã hội theo cách hiểu xã hội học thông dụng quốc tế. Đó là những hành động chung, cùng nhau, dài hạn, ít nhiều có tổ chức, của một nhóm, một tập thể, nhằm một hay một vài mục tiêu mang tính công cộng. Trong bài viết, thông thường chúng tôi dùng thuật ngữ "phong trào xã hội", do tính chất học thuật đã xác định trong ngành xã hội học cũng như do việc sử dụng phổ biến nó trong thực tế Việt Nam.

### III. PHONG TRAO XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

#### 1. Bối cảnh lịch sử

Như trên đã nói, trong thế kỷ XX, Việt Nam là một đất nước có nhiều phong trào xã hội các loại. Chẳng hạn, Phạm Xanh nói: Lịch sử Việt Nam thế kỷ XX như một cuộn phim với sáu trường đoạn đầy ấn tượng. *Trường đoạn một*: phong trào đổi mới tư duy của lớp nho sĩ yêu nước đầu thế kỷ. Do tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1914) và luồng gió tân văn, tân thư đến từ Trung Quốc và Nhật Bản, các nhà nho đầu thế kỷ XX đã có những chuyển biến mạnh mẽ về tri thức và tư duy. Biểu hiện đỉnh cao của sự thay đổi này là Phong trào Duy Tân và Phong trào Đông Kinh nghĩa thực từ năm 1906-1908. *Trường đoạn hai*: giao thoa văn hoá Đông-Tây những năm 20. *Trường đoạn ba*: cuộc đấu tranh xoay quanh nhiệm vụ giải phóng dân tộc,

khởi đầu từ năm 1925, lần đầu tiên ở Việt Nam xuất hiện các đảng phái chính trị, cuộc đấu tranh giành bá quyền lãnh đạo chính trị phong trào giải phóng dân tộc phân thắng bại vào tháng 2-1930, khi khởi nghĩa Yên Bái của Quốc dân Đảng thất bại, đồng thời Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời. *Trường đoạn bốn*: ba cuộc tập dượt dẫn đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 dựng nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đầu tiên ở khu vực thuộc địa. *Trường đoạn năm*: cuộc trường chinh 30 năm giành độc lập và thống nhất đất nước. Và *trường đoạn cuối cùng*: Đổi Mới tư duy lần nữa (Phạm Xanh, 2001). Nhìn từ góc độ xã hội học về phong trào xã hội, sáu trường đoạn trên chứa đựng hàng loạt phong trào xã hội lớn ở nước ta thế kỷ XX.

Bản thân Nhà nước Việt Nam hiện nay là kết quả của một phong trào cách mạng lâu dài. Phong trào này, để đạt được các mục tiêu của mình, đã thường xuyên phát động những loại phong trào xã hội khác nhau. Là kết quả của một phong trào xã hội vĩ đại, thừa hưởng truyền thống "phong trào", khi đã giành được chính quyền, Đảng và Nhà nước thường xuyên quan tâm đến vấn đề phong trào xã hội. Bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khởi xướng hàng loạt phong trào, trong đó có những phong trào được thế giới ghi nhận là mang tầm thời đại. Vào ngày đầu thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Người phát động phong trào "diệt giặc đói", khởi đầu một quá trình xây dựng xã hội giáo dục phổ cập, xã hội học tập. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là tác giả của phong trào "gây đời sống mới", "trồng cây, gây rừng", "người tốt, việc tốt".

Cuộc vận động xây dựng hợp tác xã những năm 60 của thế kỷ XX ở nông thôn miền Bắc còn để ngỏ một cái "cửa" cho người nông dân: mảnh đất 5%. Sự khác biệt giữa hai "nền kinh tế" (kinh tế hợp tác xã và kinh tế 5%) luôn là một bằng chứng mang tính xúc tác cho sự suy nghĩ ở người quản lý cũng như người dân. Trong điều kiện bức bách (hay thuận lợi?), người dân cày và người quản lý ở cơ sở đã cùng nhau tiến hành những nỗ lực tập thể mà sau này gọi là "khoán chui", chúng trở nên phong trào rộng khắp, khi được ủng hộ ở những cán bộ quản lý cấp cao, được định chế hoá thành chính sách và thể chế Nhà nước với Chỉ thị 100 CT/TW (1981) của Trung ương Đảng và Nghị quyết 10NQ/TW (1988) của Bộ Chính trị.

Phong trào Đổi Mới ra đời là kết quả của sự tương tác giữa lãnh đạo bên trên với đông đảo quần chúng và cán bộ bên dưới. Những ý tưởng cơ bản của phong trào Đổi Mới đã dần dần thấm sâu vào mọi tầng lớp cán bộ và nhân dân, được định chế hoá trong đường lối, chủ trương của Đảng, trong hệ thống chính sách của Nhà nước và trong hệ thống pháp luật.

Những nguyên tắc và hệ quả của Đổi Mới đã thể hiện trong cấu trúc xã hội và văn hoá, trong đó nổi lên bức tranh đa màu sắc về các loại hình nỗ lực tập thể và phong trào xã hội khác nhau. Sau Đổi Mới, tính chất phong trào đã có sự thay đổi. Trước kia, các phong trào xã hội thường do Đảng và

Nhà nước khởi xướng, hoặc trực tiếp, hoặc thông qua các đoàn thể quần chúng. Trong những năm 90, xuất hiện những phong trào dân sự từ dưới lên.

## **2. Khuôn khổ chính trị và pháp lý**

Thời kỳ Đổi Mới tạo nên một khuôn khổ xã hội mới (bao gồm các khía cạnh kinh tế, tư tưởng, chính trị và pháp lý) cho phong trào xã hội. Khuôn khổ này hình thành như là kết quả của sự tương tác (interplay) thường xuyên giữa các tác viên xã hội (social actor), chính vì vậy mà khuôn khổ xã hội này cần được nhìn trong trạng thái động.

Đường lối Đổi Mới bắt đầu từ năm 1986 đặt ra những nguyên tắc mới về quản lý xã hội và con người, tạo ra một sự cởi mở hơn đối với những hành động tập thể. Mặt khác, nguyên tắc được gọi là "xã hội hoá" đã thay thế nguyên tắc "Nhà nước lo mọi việc", theo đó các tác nhân không phải Nhà nước có quyền và trách nhiệm tham gia cùng với Nhà nước đáp ứng các nhu cầu xã hội. Suốt trong thập niên 90, Đảng và Nhà nước đã ban hành hàng loạt văn kiện và văn bản pháp lý tạo nên khuôn khổ cho các hoạt động xã hội của các tổ chức và cá nhân. Khuôn khổ này liên quan đến việc quản lý tổ chức và hoạt động của hội quần chúng; những bộ luật cho các tổ chức chính trị-xã hội và cơ chế làm việc giữa cơ quan chính quyền các cấp với tổ chức chính trị-xã hội; hành lang pháp lý cho hoạt động đình công, bãi công, khiếu nại, tố cáo, ...

Năm 1989, Hội đồng Bộ trưởng có Chỉ thị 01/CT-HĐBT về việc quản lý tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng. Năm 1990, Quốc hội thông qua Luật Công Đoàn, năm 1999 thông qua Luật Mặt trận Tổ Quốc. Năm 1992, Quốc hội thông qua Hiến pháp 1992, trong đó có những điều khoản liên quan đến các hoạt động của công dân trong lĩnh vực công cộng (Điều 11, Điều 53, Điều 74). Cũng thời gian này, Quốc hội thông qua Luật về tổ chức Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp, trong đó quy định cơ chế làm việc giữa cơ quan chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội. Năm 1992, Chính phủ ban hành Nghị định 35-HĐBT về tổ chức, quản lý, phát triển các hoạt động khoa học và công nghệ, mở đường cho việc thành lập các tổ chức nghiên cứu và triển khai ngoài nhà nước. Năm 1994 và 1995, Quốc hội ban hành Luật Lao động và Luật Dân sự, nhằm điều chỉnh các quan hệ lao động và dân sự. Năm 1996, Quốc hội ban hành một số văn bản luật nhằm cụ thể hoá Luật Lao động, như Pháp lệnh thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động, nhằm tạo ra hành lang pháp lý cho hoạt động đình công, bãi công. Năm 1998, ban hành Quy chế dân chủ cơ sở và Luật Khiếu nại, tố cáo. Năm 2003, ban hành Nghị định 88/2003/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội.

Nhìn chung, đã có một khuôn khổ chính trị, pháp lý và hành chính cho lĩnh vực các hành vi tập thể và phong trào xã hội thích hợp hơn cho giai đoạn mới. Tuy nhiên, khuôn khổ này vẫn chưa được hoàn thiện và đặc biệt

là việc thực hiện còn xa so với quy định. Theo một báo cáo của Ngân hàng Thế giới/Ngân hàng Phát triển châu Á, ba công việc quan trọng sắp tới để tăng cường sự tham gia của người dân là tăng cường trên cả nước việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, thông qua luật về các tổ chức phi chính phủ, và sửa đổi Luật tố cáo và khiếu nại. Ba công việc này góp phần phát triển một xã hội công dân. Hiện nay, việc thành lập Hiệp hội hoặc tổ chức thuộc xã hội công dân vẫn dựa trên các văn bản pháp luật và thủ tục hành chính phiền hà, chông chéo, lạc hậu và mâu thuẫn nhau (Ngân hàng Thế giới/Ngân hàng Phát triển châu Á. 2002, trang 80-81).

### 3. Một phân loại học phong trào xã hội

Thật khó mà đưa ra được một sự phân loại cũng như một tổng quan về phong trào xã hội ở Việt Nam trong thập niên 90. Vô số nỗ lực tập thể, sự huy động và phong trào đã nổi lên ở mọi lĩnh vực, mọi địa phương, với đủ loại sáng kiến. Bảng 1 đưa ra ví dụ một bức tranh hoàn toàn không đầy đủ về các phong trào trong thời gian qua.

**Bảng 1. Phong trào, loại hình và tác nhân khởi xướng**

Phong trào/cuộc vận động trong những năm 90 (xếp theo ABC)	Tác nhân khởi xướng	Các kiểu phân loại
Bảo thọ, người cao tuổi	Cơ quan Đảng	Hành vi tập thể/phong trào xã hội
Bãi công tập thể	Cơ quan nhà nước	Cuộc vận động/ chiến dịch/ nỗ lực tập thể/ trào lưu/ phong trào xã hội
Bảo vệ môi trường	Tổ chức chính trị-xã hội	Quan phương/phi quan phương (bên trên/bên dưới)
Chỉnh đốn, xây dựng Đảng	Tổ chức xã hội dân sự (hội, NGO, ...)	Cách mạng/ cải cách/ phản kháng
Cứu trợ thiên tai	Tổ chức tôn giáo	Phân loại theo lĩnh vực/chủ đề (kinh tế, khuyến nông, chuyển giao công nghệ, từ thiện, xã hội, văn hoá)
Doanh nhân trẻ/doanh nhân nhỏ và vừa	Viện nghiên cứu	
Đền ơn đáp nghĩa	Nhóm xã hội (thứ cấp, sơ cấp)	
Đình công tập thể	Dòng họ	
Hiến máu nhân đạo	Tập thể	
Khiếu kiện tập thể	Cộng đồng	
Khuyến học	Cá nhân	
Ngày vì người nghèo		
Người tốt việc tốt		
Quy chế dân chủ cơ sở		
Thanh niên lập nghiệp		
Thi đua		
Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư		
Toàn dân tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông		
Toàn dân xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ Quốc		
Trẻ nghèo vượt khó		
Trở về truyền thống		
Uống nước nhớ nguồn		
Xoá đói giảm nghèo		

Nhìn vào bức tranh phong phú và đa dạng của lĩnh vực phong trào xã hội, xin thử đưa ra một kiểu phân loại gồm ba loại hình sau đây.

*Loại hình thứ nhất*, những cuộc vận động do các cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức chính trị - xã hội khởi xướng, chủ trì và phối hợp. Có thể kể ra một số cuộc vận động như "Toàn dân tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông", "Toàn dân xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc", "Xóa đói giảm nghèo", ...

Thuộc vào loại này có thể nêu lên trường hợp "Quỹ đền ơn đáp nghĩa". Đầu năm 1999, Quỹ đền ơn đáp nghĩa được xây dựng và quản lý ở 4 cấp hành chính theo Điều lệ do Chính phủ ban hành, nhằm vận động sự ủng hộ tự nguyện của các tổ chức xã hội và cá nhân để cùng Nhà nước chăm sóc những người có công với cách mạng. Trong năm 1999, năm hoạt động đầu tiên Quỹ ở cả 4 cấp đã vận động được 78 tỷ đồng (Hà Nội mới, 20-4-2000). Bản thân Quỹ này cũng là sản phẩm của sự tương tác giữa trên và dưới: ý tưởng "đền ơn đáp nghĩa" đã nảy sinh từ cơ sở và địa phương, phát triển thành phong trào và được định chế hoá (Chính phủ ban hành Điều lệ, xây dựng quỹ có tư cách pháp nhân). Cũng có thể kể đến trường hợp "Quy chế dân chủ cơ sở" trong loại hình này.

Năm 2000, Ban Chỉ đạo Trung ương kiểm tra thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã rút ra nhận định, nhìn tổng quát và về cơ bản, Quy chế đã tới cơ sở và tới dân, trở thành một cuộc "sinh hoạt chính trị" lớn, tác động tích cực tới mọi mặt đời sống. Việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là một chủ trương lớn, rất cơ bản, quan hệ mật thiết tới việc bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa (Hà Nội mới, 10-5-2000).

Nhiều phong trào do các tổ chức chính trị - xã hội phát động, chẳng hạn "Ngày vì người nghèo" và "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" của Mặt trận Tổ quốc, "Thanh niên lập nghiệp" của Đoàn Thanh niên,... Cuộc vận động "Ngày vì người nghèo" được triển khai từ năm 2000 do Mặt trận Tổ quốc chủ trì, lấy Ngày Thế giới chống đói nghèo (17-10) hàng năm là ngày cao điểm vận động cả nước. Việc giúp đỡ người nghèo sẽ diễn ra cả năm, nhưng vận động ủng hộ bằng tiền tập trung trong một tháng, từ 17-10 đến 17-11.

*Loại hình thứ hai* là các nỗ lực hay phong trào do các tổ chức có pháp nhân (hội quần chúng, viện nghiên cứu, tổ chức xã hội,...) khởi xướng và thực hiện. Phong trào khuyến học, phong trào người cao tuổi, hiến máu nhân đạo, bảo vệ môi trường,... là những ví dụ cho loại hình này. Cũng có thể kể đến xu hướng lập các hội và tổ chức phi chính phủ. Thoạt đầu, đó là những nỗ lực tập thể nhằm tập hợp nhau theo đuổi những mục tiêu chung nào đó. Điều này dẫn đến việc hình thành các tổ chức thích hợp làm công cụ chính cho việc tiến hành những hoạt động chung. Thuộc vào loại hình này còn có thể kể đến những phong trào do hội đoàn tôn giáo chính thức tổ chức.

*Loại hình thứ ba* bao gồm những nỗ lực tập thể của các nhóm và tập thể, không có sự dẫn dắt của những tổ chức pháp nhân, hình thành nhằm biểu cảm những mục tiêu, yêu cầu, nguyện vọng của các tập thể, nhóm xã hội nhất định. Những ví dụ thuộc loại này bao gồm các cuộc đình công, bãi công của công nhân trong doanh nghiệp; phong trào "trở về truyền thống" (tu bổ đình chùa, tổ chức lễ hội, phục hưng dòng họ qua việc lễ tổ, xây nhà thờ họ, sửa sang mồ mả); các loại hội và tổ chức phi hình thức (không có pháp nhân); các cuộc khiếu tố; "sự kiện Thái Bình năm 1997"; các "hành vi tập thể" mang tính tôn giáo hay mê tín không phải do các hội đoàn tôn giáo chính thức tổ chức; ...

Cựu chiến binh Nguyễn Văn Kim ở cụm dân cư 2 phường Phúc Xá (Ba Đình). Một lần xem tivi chương trình nói về con em các cựu chiến binh bị nhiễm chất độc da cam, suốt đêm ông trần trọc. Hôm sau, ông trích hai suất lương hưu của hai vợ chồng (565.000 đồng) cùng với anh em trong Chi hội cựu chiến binh được 970.000 đồng, để giúp đỡ cho một số gia đình cựu chiến binh có con em bị nhiễm chất độc da cam. Ngay sau đó, Thành hội cựu chiến binh thành phố đã phát động phong trào ủng hộ cựu chiến binh và con em họ bị nhiễm chất độc da cam. Ông Kim và Chi hội 2 phường Phúc Xá là "những người khởi xướng cho phong trào này".

Mặc dù có thể phân biệt khá rõ những đặc điểm của các loại hình nói trên, có thể thấy không có ranh giới rõ rệt giữa chúng. Chẳng hạn, những cuộc khiếu tố của người dân ở nhiều địa phương đã tăng lên trong thập niên 90. Con số các cuộc khiếu tố tập thể tới trụ sở chính quyền địa phương và Trung ương lên đến nhiều ngàn vụ mỗi năm. Phản ứng tập thể của người dân Thái Bình năm 1997 đạt tới một phạm vi rộng lớn. Thực tế này đã là một trong những yếu tố dẫn đến việc Nhà nước đưa ra cuộc vận động "Quy chế dân chủ cơ sở" năm 1998. Như vậy là những mục tiêu và nội dung của phong trào từ dưới lên đã được định chế hoá, được đưa vào lĩnh vực chính sách và pháp luật, được chính thức hoá, trở thành "cuộc vận động" từ bên trên đưa trở lại xuống cơ sở.

#### **4. Mấy ghi nhận ban đầu**

##### ***a. Nhà nước làm phong trào xã hội***

Nhà nước Việt Nam dành nhiều tâm sức cho vấn đề các nỗ lực tập thể và phong trào xã hội. Cho đến nay, mặc dù nguồn tài trợ của người dân và tổ chức quốc tế là đáng kể, song Nhà nước vẫn là nhà tài trợ lớn nhất trong lĩnh vực các phong trào xã hội. Câu hỏi đặt ra là sự tài trợ của Nhà nước có kết quả và hiệu quả như thế nào, vì sao và nên cải tiến theo hướng nào?

Tiếp tục truyền thống "phong trào cách mạng", từ hình thái phong trào chuyển thành một thể chế xã hội mà chúng ta vẫn gọi là "cơ chế tập trung

quan liêu bao cấp", Nhà nước luôn chú trọng đến vấn đề phong trào xã hội, song chủ yếu dành cho mình phần lớn quyền "phát động" các phong trào, trong khi dành rất ít quyền này cho "xã hội". Các phong trào xã hội thường được khởi xướng từ bên trên (lãnh đạo, cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội), chúng được tạo điều kiện dễ dàng về chính trị, hành chính, tổ chức và tài chính.

Loại hình thứ nhất trong phân loại ở trên có những tác động chính trị - xã hội đáng kể. Tuy nhiên, do đặc tính quan liêu, "Nhà nước hoá" của các đoàn thể, những phong trào này thường mắc căn bệnh gọi là "*chỉ phát mà ít động*", "*hình thức*", chỉ chú trọng những hoạt động "*bề nổi*" ở bên trên mà ít liên quan đến thành viên cơ sở. Chẳng hạn, năm 2000, Ban Chỉ đạo Trung ương kiểm tra thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã nhận xét, trong quá trình thực hiện cuộc vận động này, tỷ lệ tham gia học tập tuy cao nhất từ nhiều năm nay, song còn thấp và đại diện hộ là chủ yếu. Trong công tác chỉ đạo, nhiều địa phương chỉ tập trung làm có bài bản thời gian đầu. Từ giữa 1999 trở đi hầu như buông lỏng. Không ít nơi việc triển khai thực hiện Quy chế còn hình thức, làm lướt cho xong việc.

Các tổ chức đoàn thể xã hội nhận được những khoản kinh phí và tài trợ lớn của Nhà nước để làm "phong trào", song nói chung hiệu quả thấp, kết quả chưa tương xứng với đầu tư, một phần tài chính đáng kể chỉ dành cho hoạt động của bộ máy hành chính và hoạt động tuyên truyền bề nổi, tác động rất ít đến người dân ở cơ sở. Đã gọi là phong trào thì đó phải là kết quả của đông đảo thành viên tham gia ("cách mạng là sự nghiệp của quần chúng"). Muốn vậy, họ phải có tiếng nói, có quyền quyết định, phải là "diễn viên" (actor) chính.

Các cuộc vận động do cơ quan Nhà nước tiến hành thường huy động được khá nhanh chóng những nguồn tài chính lớn. Đây là một kênh tạo cho Nhà nước có khả năng trở thành nhà tài trợ lớn nhất cho các tổ chức và phong trào xã hội. Tuy nhiên, cách thức đóng góp phúc lợi ở nơi làm việc hiện nay phổ biến là không chú trọng đến tính tự nguyện và tự quyết định của từng cá nhân (có đóng góp hay không và đóng góp bao nhiêu). Thông thường, "nhà huy động" (thường là Công đoàn) thông báo trong một cuộc họp hay trên loa phóng thanh công cộng về "kêu gọi của cấp trên đóng góp cho việc gì, vì sao, và bao nhiêu tiền một người". Sau đó, tài vụ công ty tự động trừ khoản đóng góp như nhau đó trong tiền lương mỗi người lao động trước khi phát lương. Cách làm "huy động theo mệnh lệnh từ bên trên" này nhanh chóng đạt được kết quả như mong muốn về mặt tài chính, song lại hầu như không có kết quả gì về mặt ý nghĩa xã hội và tập thể.

"Bà tổ trưởng đưa cho một danh mục các khoản đóng góp trong năm, đại khái vệ sinh, an ninh, rồi góp cho quỹ người nghèo, quyền góp cho



nơi bị thiên tai bão lụt. Lắm thứ lắm, không nhớ hết được. Mà chồng con đã đóng góp ở cơ quan rồi chứ không đâu. Nhà tôi tổng cộng đóng góp hơn 6 chục nghìn trong năm nay" (Nữ, 45 tuổi, nội trợ).

Loại hình phong trào này không phải là không có triển vọng, chúng ta có thể nhớ lại bài học phong trào xây dựng nông thôn mới của Hàn Quốc những năm 70. Nhìn từ góc độ lý thuyết huy động nguồn lực, loại hình này thể hiện ưu thế là có nhiều nguồn tài nguyên, như mức cam kết và ủng hộ mạnh mẽ của lãnh đạo chính trị cấp cao, có hệ thống tổ chức, kinh phí dồi dào. Nhưng cần chú ý rằng từ một cách nhìn khác, có những loại tài nguyên trong loại hình này là nghèo nàn hoặc bị lãng phí: nhân lực, định chế, tính tích cực xã hội.

Một câu hỏi cũng cần đặt ra ở đây là phải chăng Chính phủ và các cơ quan Nhà nước cần tập trung hơn vào những chức năng chính của mình, chuyển giao cái thực tế lâu nay "Nhà nước làm phong trào xã hội" cho khu vực các tổ chức xã hội?

**b. Thành quả của Đổi mới: những nỗ lực tập thể và phong trào xã hội từ dưới lên**

Những phong trào thuộc loại hình thứ hai trong sự phân loại ở trên đã phát triển nhanh trong những năm 90. Chúng đáp ứng được hàng loạt nhu cầu xã hội của giai đoạn chuyển đổi. Một số phong trào của loại hình này được Nhà nước chú ý và từng bước quan tâm ủng hộ. Chẳng hạn, có thể kể ra phong trào khuyến học và phong trào người cao tuổi. Phong trào khuyến học nổi lên từ đầu những năm 90 trước hết như là sáng kiến của những nhóm trí thức và nhóm tinh hoa ở thành thị và nông thôn. Khi phong trào đạt tới giai đoạn hình thành tổ chức, Nhà nước đã tài trợ nhiều hơn, đồng thời can thiệp nhiều hơn vào công tác quản lý. Điều này tạo ra những thuận lợi, đồng thời cũng tạo ra xu hướng quản lý kiểu "hành chính hoá và từ trên xuống".

Phong trào quỹ bảo thọ ở cơ sở đã được khởi xướng và lan truyền rất nhanh ở nông thôn miền Bắc từ đầu những năm 80. Đây là một ví dụ tốt cho các lý thuyết về phong trào xã hội giải thích sự nổi lên của phong trào từ hiện trạng một nhóm xã hội cảm thấy bị yếu thế, ngoài rìa (marginal) do biến đổi xã hội nhanh chóng, có nhu cầu tập hợp để củng cố bản sắc nhóm và tìm thấy ý nghĩa xã hội cho bản thân. Trong một thời gian dài, phong trào này đã nuôi dưỡng nhu cầu hình thành một tổ chức rộng lớn của người cao tuổi. Song, nói chung nhu cầu này mới chỉ được ủng hộ ở cấp cơ sở và địa phương. Chỉ đến giữa thập niên 90, một tổ chức của những người cao tuổi trên quy mô toàn quốc mới ra đời, và mới chỉ được Nhà nước thực sự quan tâm từ cuối thập niên 90.

Có thể nêu lên một số ví dụ tương tự hai trường hợp kể trên, song còn vô số nỗ lực tập thể và phong trào khác phải vật lộn với việc tự huy động các nguồn lực tài nguyên, thiếu sự tài trợ của Nhà nước.

Với tính cách là người tạo ra khuôn khổ chính trị/pháp lý và là nhà tài trợ lớn nhất trong lĩnh vực xã hội, đối với hai loại hình trên Nhà nước cần có sự thay đổi trong định hướng chính sách ủng hộ và tài trợ, hướng nhiều hơn vào tiêu chuẩn *hiệu quả*, mở rộng cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận nguồn tài trợ Nhà nước, tạo nên sự bình đẳng hơn về mặt vị thế xã hội giữa các loại hình tổ chức xã hội.

**Bảng 2. Những đặc điểm của ba loại hình nỗ lực tập thể/ phong trào xã hội**

	Loại 1: Phong trào chính thống	Loại 2: Nhóm lợi ích có hình thức	Loại 3: Tập thể người dân
Kiểu loại	Cuộc vận động Phong trào	Nỗ lực tập thể Phong trào	Nỗ lực tập thể Phong trào
Lĩnh vực hoạt động	Tác động chính sách Môi trường Kinh tế Phúc lợi Từ thiện	Tác động chính sách Môi trường Kinh tế Phúc lợi Từ thiện Tín ngưỡng	Kinh tế Phúc lợi Tác động chính sách Từ thiện Tín ngưỡng
Đặc điểm cấu trúc	Tổ chức hành chính chặt chẽ, quy mô lớn Tiếp cận top-down	Nhóm tinh hoa, nhóm tích cực Tổ chức quy mô trung bình hay nhỏ	Lỏng lẻo
Cách hoạt động	Chương trình/ kế hoạch hoạt động Hội nghị Kiến nghị Lobby Huy động	Hội thảo Kiến nghị Lobby Huy động	Tác động nhóm nhỏ
Có/Tính tổ chức	Có tổ chức	Có tổ chức Phi chính thức	Phi chính thức
Kiểu đơn vị tổ chức	Hội Quỹ Trung tâm trực thuộc	Hội Quỹ Viện Trường Trung tâm NGO Tổ chức/đơn vị tôn giáo	Nhóm nhỏ Tập thể Mạng lưới
Mức được tài trợ	Cao	Hạn chế	Không có
Nguồn tài trợ chính	Nhà nước Quốc tế	Nhà nước Quốc tế Tư nhân	Người dân

Trong thời gian tới, khi quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá tăng tốc, có thể dự báo rằng những kiểu nỗ lực tập thể và phong trào xã hội thuộc loại hình thứ ba sẽ có xu hướng tăng lên và tác động ngày càng lớn đến xã hội. Một số loại hình cần được tham gia hướng dẫn về mặt văn hoá bởi các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các cơ quan chuyên môn (chẳng hạn phong trào trở về truyền thống). Một số khác cần những khuôn khổ chính trị và pháp lý rộng rãi hơn, rõ ràng hơn, cần được truyền thông hướng dẫn tốt hơn, và cần nhận được những phản hồi kịp thời và đúng đắn từ phía các cơ quan Nhà nước để các hành động tập thể có thể diễn ra trong khuôn khổ luật pháp (chẳng hạn khiếu kiện tập thể, đình công).

### ***c. Khoảng trống những nỗ lực tập thể***

Bên cạnh bức tranh phong phú các loại hình nỗ lực tập thể và phong trào trong thời kỳ Đổi Mới, trong nhiều lĩnh vực và ở nhiều nơi, lại tồn tại tình trạng thiếu vắng, thậm chí tê liệt các nỗ lực chung để giải quyết một cách tập thể các vấn đề công cộng.

Hãy lấy ví dụ ở thành phố. Chỉ nhìn vào bề mặt các chung cư thành phố và thị xã, người ta đã có thể rút ra nhận định rằng đời sống ở đây rất thiếu những nỗ lực tập thể nhằm xây dựng được những định chế chung khiến mọi người tuân thủ trong đời sống công cộng. Mọi hộ gia đình đều theo đuổi chiến lược cá thể trong việc đảm bảo điện, nước và an ninh cho bản thân (hãy nhìn những lồng sắt trên mọi lô tầng nhà, những cửa sắt trong mọi hành lang, những búi ống chạy dọc tường từ trên xuống dưới đất để bơm nước). Mọi hộ gia đình, phần lớn ở tầng một và tầng hai, đều lấn chiếm khu đất công, kết quả là đường đi chung bị thu hẹp, không còn đất cho giao tiếp và vui chơi công cộng. Trong nhà, mọi gia đình đều ra sức tân trang nội thất (sơn vôi, lắp đồ gỗ, trang bị nhà vệ sinh và nhà bếp hiện đại), tương phản với bề ngoài tiêu tụy xuống cấp đến thảm hại của cả chung cư. Tương tự, trên quy mô toàn thành phố, mọi gia đình và cá nhân đều theo đuổi chiến lược ứng phó cá thể: xe máy riêng, và làm sao phóng được nhanh nhất đến nơi muốn tới, thoát được nhanh nhất những điểm ùn tắc; những ngôi nhà kiên cố đất tiền nằm san sát bên nhau bên những con đường nhỏ nhất có thể được, do ai cũng lấn chiếm để có nhiều đất riêng; ra sức lau nhà cho sạch để đổ rác thải ra bên ngoài nhà mình; v.v. và v.v. Trong lĩnh vực này, rất cần sự thúc đẩy và hỗ trợ cho những tác nhân xã hội (social actor) với những sáng kiến và tính tích cực xã hội.

Người ta nhìn thấy ở Hà Nội nhiều bãi đất trống, bỏ hoang lâu năm, có khi được rào dậu kỹ lưỡng. Trong khi đó, sáng và chiều nào cũng có vô số trẻ em, người lớn, người cao tuổi cố gắng tận dụng những khoảng trống chật hẹp dễ chịu nhất có thể được để tập thể dục, vui chơi. Trong quan sát của tôi, hiện trạng này thể hiện cái mà tôi gọi là "khoảng trống của những nỗ lực tập thể", "sự thiếu vắng của những kết hợp giữa các nguồn tài nguyên xã hội".

#### IV. KẾT LUẬN

Kinh nghiệm phát triển và nghiên cứu quốc tế chỉ ra rằng để có thể thực hiện thành công công nghiệp hoá và hiện đại hoá, một quốc gia phải phát huy được *năng lực xã hội* và tạo ra một *khí thế* công nghiệp hoá. Năng lực xã hội là một sức mạnh nội sinh, tổng hợp của toàn xã hội để có khả năng tổ chức các biến đổi xã hội theo hướng phát triển.

Nếu như 15 năm Đổi mới vừa qua đã tạo nên được một khuôn khổ nhất định về chính trị và pháp lý cho các nỗ lực tập thể, huy động xã hội và phong trào xã hội, thì hiện nay khuôn khổ này cần được cải cách đáng kể để Nhà nước có thể chủ động ứng phó được với những biến đổi mạnh mẽ và sâu sắc sắp tới.

Có lẽ nhiều người sẽ đồng tình với dự báo rằng trong tương lai sắp tới, do những biến đổi xã hội đang đa dạng hoá và tăng tốc, các hình thái nỗ lực tập thể và phong trào xã hội sẽ ngày càng tăng trong đời sống xã hội. Lĩnh vực này sẽ đem lại nhiều cơ hội và thách thức hơn đối với tiến trình phát triển của đất nước.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thế Cường (Chủ biên), 2002a, *Phong trào xã hội trong thời kỳ Đổi mới: Một nghiên cứu bước đầu*. Đề tài tiềm lực Viện Xã hội học năm 2002. Hà Nội: Thư viện Viện Xã hội học.
2. Bùi Thế Cường, Bé Quỳnh Nga, Dương Chí Thiện, Lê Hải Hà, Nguyễn Thị Phương, 2002b, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phúc lợi xã hội*. Hà Nội: Tạp chí Xã hội học, số 3/2002.
3. Bùi Thế Cường, 2003a, *Nỗ lực tập thể và phong trào xã hội trong thời kỳ công nghiệp hoá hiện đại Việt Nam: Một khởi thảo nghiên cứu*. Hà Nội: Tạp chí Xã hội học, số 1/2003. Hà Nội.
4. Bùi Thế Cường (Chủ biên), 2003b. *Phong trào xã hội: Từ nỗ lực tập thể đến tổ chức xã hội*. Đề tài tiềm lực Viện Xã hội học năm 2003. Hà Nội: Thư viện Viện Xã hội học.
5. Bùi Thế Cường (Chủ biên), 2003c. *HIV/AIDS ở nơi làm việc: hiểu biết, chính sách và vai trò của phúc lợi doanh nghiệp*. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
6. Đặng Kim Sơn, 2001, *Công nghiệp hoá từ nông nghiệp. Lý luận thực tiễn và triển vọng áp dụng ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Nông nghiệp.
7. Đặng Phong Quang, 2002, *Người khởi xướng phong trào tình nghĩa*. Hà Nội mới, 15.5.2002.
8. Đỗ Sơn Hà, 2000, *Hướng dẫn nghiệp vụ về quy trình tổ chức, quản lý nhà nước đối với Hội Quần chúng*. Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ (Bộ Nội vụ). Hà Nội.
9. Hà Nội mới, 10.5.2000. *Tổng kết đợt kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở*.

10. Kerkvliet, B.J.T./ Russell H.K. Heng/ David W.H. Koh (Eds.). 2003, *Getting Organized in Vietnam. Moving in and around the Socialist State*. Singapore: Institute of Southeast Asian Studies.
11. Kim Tuyền, 2002, "*Ba cùng*" với *Tổng Giám đốc*. Lao động cuối tuần, 27.10.2002.
12. Lê Đăng Doanh. 2001. *Đổi Mới và sự phát triển con người ở Việt Nam*. Thời đại. Tạp chí nghiên cứu & thảo luận. Số 5.2001, Paris, Pháp, tr. 30-40.
13. Marx, Gary T. / Douglas McAdam. 1994, *Collective Behavior and Social Movements. Process and Structure*. Prentice-Hall, Inc. Upper Saddle River, New Jersey.
14. McAdam, Doug/ John D. McCarthy/ Mayer N. Zald (Editor), 1996, *Comparative Perspectives on Social Movements. Political Opportunities, Mobilizing Structures, and Cultural Framings*. Cambridge University Press.
15. Mulla, Z./Boothroyd P. 1994, *Development-Oriented NGOs of Vietnam*. Hà Nội: Centre for Human Settlements, University of British Columbia and National Center for Social Sciences and Humanities.
16. Ngân hàng Thế giới/Ngân hàng Phát triển châu Á, 2002, *Báo cáo Phát triển 2003. Việt Nam Thực hiện Cam kết*. Hội nghị Nhóm Tư vấn các Nhà Tài trợ cho Việt Nam. Hà Nội, 10-11 tháng 12, 2002.
17. Ngọc Diệp, 2002, *Để hiến máu nhân đạo thành phong trào*. Hà Nội mới, 4.10.2002.
18. Nguyễn Phương Quỳnh Trang, Jonathan S., et. La. 2002, *Hiệp hội kinh doanh ở Việt Nam: hiện trạng, vai trò và hoạt động [Business Association in Viet Nam: Status, Roles and Performance] (Thảo luận về khu vực tư nhân No.13)*. Hà Nội: MPDF và Asia Foundation.
19. Phạm Xanh, 2001, *Ngoảnh nhìn thế kỷ XX, Diễn đàn Doanh nghiệp*. Số Xuân Canh Thìn.
20. T.Ba/L.Minh/Đ.Học, 2000, *Hãy vì người nghèo bằng hành động cụ thể*. Người Lao Động, 18.10.2000.
21. Thang Văn Phúc (Chủ biên), 2002, *Vai trò của các hội trong Đổi Mới và phát triển đất nước*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.
22. Trần Văn Thọ, 1997, *Công nghiệp hoá Việt Nam trong thời đại châu Á - Thái Bình Dương*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
23. Trần Minh Vỹ (Sưu tầm tuyển chọn), 2002, *Một số quy định pháp luật về quản lý, tổ chức, hoạt động của các hội, đoàn thể xã hội*. Hà Nội: Nxb Lao động.
24. Việt Xuân, 2002. *Cần tổ chức tốt cuộc sống ở khu chung cư cao tầng*. Hà Nội mới, 9.6.2002.
25. Zastrow, Charles, 2000, *Social Problems. Issues and Solutions*. 5<sup>th</sup> ed. Wadsworth/Thomson Learning.